TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2017/KDTM-ST
Ngày: 27-9-2017
V/v:“ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên toà:

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 05/2017/TLST – KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXX - TA ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐ-TA ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S
Địa chỉ: 266 – 268 N, phường 8, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Huy Kh – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Đăng H– chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện B. *(Có mặt tại phiên tòa)*
Địa chỉ: khu Đ, thị trấn Đ. P, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn D; sinh năm: 1981 *(vắng mặt tại phiên tòa)*
Bà Trần Thị H; sinh năm: 1982 *(vắng mặt tại phiên tòa)*
Trú tại: thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2017 và những lời khai trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H trình bày:

Ngày 15/5/2015, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B – Phòng giao dịch huyện B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng bà Trần Thị H, ông Trương Văn D đã

ký kết hợp đồng tín dung số: LD 1513500417 ngày 15/5/2015, theo đó Ngân hàng đã cho vợ chồng bà H, ông D vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, lãi suất áp dụng trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và điều chỉnh định kỳ theo quy định 06 tháng/lần. Lãi suất các kỳ tiếp theo được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của bên cho vay cộng (+) với biên độ là 4,3%/năm. Thời hạn vay theo hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cuối trả hết nợ vào ngày 15/5/2016. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Việc cho vay có biện pháp bảo đảm thế chấp theo quy định pháp luật theo đó thế chấp các tài sản như sau:

+ Thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số CH00530 diện tích 295m2 do UBND huyện B cấp cho bà Trần Thị H ông Trương Văn D vào ngày 06/5/2013;

+ Thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số CH00168 diện tích 143m2 do UBND huyện B cấp cho bà Trần Thị H ông Trương Văn D vào ngày 24/3/2011;

Sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản, phía ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bà H ông D. Bà H ông D đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi đến hết ngày 14/5/2016 với tổng số tiền lãi 24.171.667đồng. Nhưng đến hạn trả nợ gốc vào ngày 15/5/2016, vợ chồng ông D bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy kể từ ngày 15/5/2016, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền vay thành nợ quá hạn. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu vợ chồng bà ông D bà H trả nợ nhưng vợ chồng ông D bà H đã bỏ đi khỏi địa phương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã làm thủ tục khởi kiện để yêu cầu Tòa án tuyên bố việc vợ chồng ông D bà H bỏ đi khỏi nơi cư trú nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ của ông D bà H ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của phía Ngân hàng. Do đó theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, buộc vợ chồng ông D bà H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng bao gồm: Tiền nợ gốc 199.972.314 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2017 là 49.368.165đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2017 đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông D bà H không trả được nợ, yêu cầu kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm mà ông D bà H đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì yêu cầu ông D bà H tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành xác minh về việc cư trú của các bị đơn kết quả xác minh xác định: Các bị đơn ông D bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 3, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên vợ chồng ông D bà H đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 5/2016 cho đến nay. Khi đi ông D bà H không khai báo với chính quyền địa phương. Hiện nay chính quyền địa phương không biết tin tức gì của vợ chồng ông D bà H. Do đó quá trình thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành làm việc được với ông D bà H mà tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn theo quy định pháp luật.

**Các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn giao nộp gồm:* Hồ sơ pháp lý về thành lập, hoạt động; điều lệ của ngân hàng; các văn bản ủy quyền; hợp đồng tín

dụng vay vốn và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vay của trường hợp ông D bà H;

** Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:*

1. Lời khai của đương sự là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn;
2. Biên bản xác minh việc cư trú của các bị đơn ông D bà H;
3. Các tài liệu chứng cứ tố tụng khác kèm theo trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ và những người tham gia tố tụng, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Phước – phòng giao dịch huyện B khởi kiện ông Trương Văn D và bà Trần Thị H có nơi cư trú tại thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ông Trương Văn D và bà Trần Thị H là bị đơn trong vụ án, mặc dù ông D bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D bà H và Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Phước – Phòng giao dịch huyện B, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, phụ lục tài sản bảo đảm, đơn đăng ký giao dịch bảo đảm, khế ước nhận nợ, các phiếu thu, phiếu chi tiền vay do phía nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định: Vào ngày 15/5/2015, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Phước – Phòng giao dịch huyện B và vợ chồng ông Trương Văn D bà Trần Thị H đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1513500417, theo đó Ngân hàng cho ông Trương Văn D bà Trần Thị H vay số tiền 200.000.000đồng thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất áp dụng trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và điều chỉnh định kỳ theo quy định 06 tháng/lần. Lãi suất các kỳ tiếp theo được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của bên cho vay cộng (+) với biên độ là 4,3%/năm. Thời hạn vay theo hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cuối trả hết nợ vào ngày 15/5/2016. Việc cho vay của Ngân hàng có biện pháp bảo đảm, theo đó ông D bà H đã ký kết các phụ lục hợp đồng, thế chấp đối với các tài sản là quyền sử dụng đất số theo Giấy CNQSD đất số CH00530 diện tích 295m2 do UBND huyện B cấp cho bà Trần Thị H ông Trương Văn D vào ngày 06/5/2013 và thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số CH00168 diện tích 143m2 do UBND huyện B cấp cho bà Trần Thị H ông Trương Văn D vào ngày 24/3/2011. Việc ký kết các hợp đồng thế chấp các tài sản trên để bảo đảm cho khoản vay đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất theo quy định có chứng nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B theo quy định. Vợ chồng ông D bà H đã nhận đủ số tiền vay và đã thực

hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi định kỳ cho Ngân hàng đến hết ngày 14/5/2016. Tuy nhiên đến hạn trả nợ gốc theo hợp đồng vào ngày 15/5/2016 ông D bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng cam kết, phía ông D bà H đã được Ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian trả nợ, tuy nhiên ông D bà H sau đó đã bỏ đi khỏi địa phương đến nay vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng. Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định có quan hệ hợp đồng vay vốn tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Bình Phước – phòng giao dịch huyện B với vợ chồng ông D bà H. Việc thỏa thuận ký kết và thực hiện các hợp đồng đều do các bên tự nguyện, về hình thức, nội dung của các thỏa thuận trong các hợp đồng đều phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, ông D bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng đã ký. Xét thấy việc vi phạm hợp đồng của ông D bà H ảnh hưởng đến quyền lợi, của Ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn ông D bà H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ, trả cho phía Ngân hàng số tiền nợ gốc: 199.972.314đồng là có căn cứ.

Đối với tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 15/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2017 theo mức lãi suất nợ quá hạn với số tiền là 49.368.165 đồng. Theo bảng kê chi tiết tính tiền lãi mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì lãi suất quá hạn = lãi suất trong hạn x 150% là phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn vợ chồng ông D bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 280; 281; 290; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

[1] Buộc ông Trương Văn D bà Trần Thị H liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày 27/9/2017 với tổng số tiền: 249.340.479 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc: 199.972.314đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 15/5/2016 đến ngày 27/9/2017 là 49.368.165đồng.

Kể từ ngày 28/9/2017 bị đơn ông D bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: LD1513500417 ngày 15 tháng 5 năm 2015 mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Sau khi bị đơn ông D bà H thanh toán xong tất cả các khoản nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản mà bị đơn ông D bà H đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số CH00530 diện tích 295m2 do UBND huyện B cấp cho bà Trần Thị H ông Trương Văn D vào ngày 06/5/2013 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số CH00168 diện tích 143m2 do UBND huyện B cấp cho bà Trần Thị H ông Trương Văn D vào ngày 24/3/2011.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Trương Văn D bà Trần Thị H phải chịu 12.467.024 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.937.303 đồng theo các biên lai thu tiền số 0021349 ngày 22/6/2017.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 10 phút, ngày 10 tháng 10 năm 2016

Tại Phòng nghị án - TAND huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Hội đồng xét xử gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng

Tiến hành nghị án đối với vụ án: " Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" giữa:

- Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Hồng Nga; Sinh năm: 1974**

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Nguyễn Châu Lập Quốc, sinh năm 1980.**

Địa chỉ: 30/2 Phùng Văn Cung, phường 7, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

- Bị đơn**: Vợ chồng ông Nguyễn Sanh Cường, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Gái, sinh năm: 1969**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn**: Ông Bùi Gia Nên, sinh năm 1976**

Địa chỉ: 455, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu

Địa chỉ: 422 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: **Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Bình Phước bà Nguyễn Hồng Ngọc; Ủy quyền lại cho bà Cao Thiên Nga;**

Địa chỉ: Lô 19-20 Phú Riềng Đỏ, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Công ty cổ phần Hoàng Sơn 1

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Hoàng Sơn 1**: Ông Lý Thơ Kin, sinh năm 1987.**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Sau khi nghiên cứu các các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, tòan diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

- Căn cứ vào các Điều 235, 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

HĐXX thống nhất biểu quyết 3/3 (100%) các nội dung sau:

Về căn cứ áp dụng:

Áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 361, 362, 363 và 367 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Pháp lệnh số: 10/ 2009/ PL – UBTVQH ngày 27/ 2/ 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2012 ngày 13/6/2012 của HĐTP – TANDTC.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Nga và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Châu Lập Quốc đối với các bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Sanh Cường, bà Lê Thị Gái. Buộc ông Nguyễn Sanh Cường, bà Lê Thị Gái phải thực hiện nghĩa vụ của bên được bảo lãnh, trả cho bà Nguyễn Hồng Nga số tiền là 3.430.402.397 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Sanh Cường, bà Lê Thị Gái phải chịu 100.608.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà Nguyễn Hồng Nga số tiền 58.030.400 đồng theo các biên lai thu tiền số 0020152 ngày 13/7/2015; số 0020196 ngày 03/8/2015; số 0020237 ngày 05/10/2015

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất nợ cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Biên bản kết thúc vào lúc 16giờ 40 phút cùng ngày, đã thông qua các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý và ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Quang Liêu - Nguyễn Mạnh Dũng **Đào Hùng Dũng**